

CTCP LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN (UPCOM - BSR)_Báo cáo cập nhật_T2.2023



MUA, Giá mục tiêu: 21,800 VND

Kết quả kinh doanh năm 2022 tăng trưởng mạnh mẽ do sản lượng tiêu thụ tốt và đặc biệt là giá dầu và biên lợi nhuận tăng mạnh, doanh thu đạt 167,123 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 15,299 tỷ đồng, tăng 65.3% và 120.4% so với năm 2021. Định giá cổ phiếu ở mức 21,800 đồng/cổ phần, chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu BSR.

Thông tin cập nhật

- Sản lượng sản xuất và kinh doanh trong năm 2022:** lần lượt đạt 7.01 triệu tấn và 6.97 triệu tấn sản phẩm lọc dầu các loại, tăng lần lượt 7.4% và 8.5% so với năm 2021 và đạt 107.9% kế hoạch sản xuất cả năm. Đây cũng là năm có sản lượng sản xuất đạt mức cao nhất từ trước đến nay, nhà máy có nhiều giai đoạn chạy với 110% công suất thiết kế.
- Kết quả kinh doanh quý 4.2022 tiếp tục khả quan:** Doanh thu quý 4 đạt 40,430 tỷ đồng, tăng 17.2% so với cùng kỳ 2021. Lũy kế cả năm doanh thu đạt 167,123 tỷ đồng, tăng 65.3% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế quý 4 đạt 1,621 tỷ đồng, bằng 56.3% cùng kỳ 2021, lũy kế cả năm đạt 15,299 tỷ đồng, tăng mạnh 120.4% so với 2021. Doanh thu và lợi nhuận lần lượt đạt 110.8% và 123.2% kế hoạch lợi nhuận đã điều chỉnh.

Triển vọng sản xuất kinh doanh năm 2023

Sau một năm sản xuất kinh doanh đạt kết quả vượt trội nhờ năng lực nội tại và thuận lợi của thị trường, Bước sang năm 2023, chúng tôi đánh giá hoạt động của công ty có những thuận lợi và thách thức:

Thuận lợi: 1) Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước vẫn tiếp tục tăng trưởng và đảm bảo cho tiêu thụ sản phẩm nhà máy thuận lợi với sản lượng cao; 2) Nhà máy tiếp tục hoạt động ổn định, cung cấp ra thị trường sản phẩm tiêu chuẩn. 3) Năng lực tài chính đang ngày càng lớn mạnh sau khi đạt được kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2022 (Lợi nhuận trước thuế 15,299 tỷ đồng, Giá trị Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn 25,025 tỷ đồng, Giá trị nợ vay dài hạn bằng 0, Dòng tiền hoạt động kinh doanh cả năm 2022 đạt 6,066 tỷ đồng).

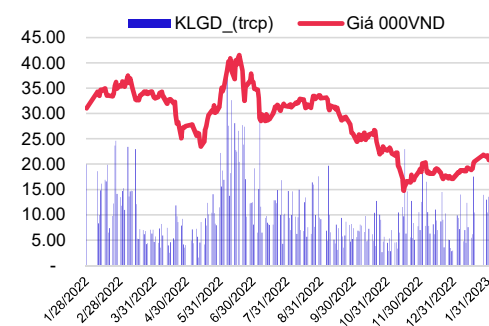
Bên cạnh đó là các Thách thức: 1) Giá dầu biến động khó lường, biên lợi nhuận ngành lọc hóa dầu đã qua đỉnh cao ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty; 2) Công ty sẽ dừng nhà máy để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 làm cho sản lượng sản xuất và kinh doanh giảm khoảng 15%.

Chúng tôi dự báo sản lượng sản xuất và kinh doanh ở mức 5.8-5.9 triệu tấn, với kịch bản giá dầu Brent ở mức 85-90 usd/thùng, doanh thu có thể đạt mức 124,134 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,842 tỷ đồng, lần lượt bằng 74% và 45% của năm 2022. Thu nhập mỗi cổ phần đạt mức 2,060 đồng.

Định giá cổ phiếu

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền FCFF và so sánh hệ số PE, EV/EBITDA, giá trị cổ phiếu BSR được xác định ở mức 21,800 đồng/cổ phần, tương ứng với PE forward 2023 10.5 lần.

Giao dịch của BSR trong 12 tháng



	1T	3T	6T	12T
BSR	21.8%	-8.5%	-42.4%	-33.0%
VNIndex	6.8%	4.7%	-10.2%	-18.8%

Ngày báo cáo	9/2/2023
Giá hiện tại	16,700 VND
Giá mục tiêu	21,800 VND
Tỷ lệ Tăng/giảm	30.2%
Mã Bloomberg	BSR VN Equity
Giá trị vốn hóa	49,918 tỷ vnd
Biến động giá 52 tuần	11,500-32,320 vnd
Khối lượng GDBQ 52 tuần	10.14 tr cp
Giá trị GDBQ 52 tuần	249.02 tỷ vnd
Sở hữu nước ngoài	0.68%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	167,123	124,134	144,967	144,972	124,720
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	15,890	7,535	9,210	9,417	8,113
Biên lợi nhuận gộp	%	9.5%	6.1%	6.4%	6.5%	6.5%
EBIT	Tỷ đồng	16,219	7,376	8,874	9,031	7,890
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,299	6,842	8,379	8,535	7,394
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,394	6,500	7,960	7,682	6,655
Thu nhập mỗi cp-EPS	Đồng	4,661	2,064	2,529	2,440	2,108
Tăng trưởng EPS	%	115.2%	-55.7%	22.5%	-3.6%	-13.6%
Cổ tức mỗi cổ phần	Đồng	300	1,500	1,000	1,000	1,000
Lợi tức cổ phần	%	1.1%	5.7%	3.8%	3.8%	3.8%
P/E	Lần	5.6	12.6	10.3	10.7	12.4
P/B	Lần	1.6	1.5	1.4	1.3	1.2
EV/EBITDA	Lần	3.64	7.04	6.08	5.97	6.65
ROE	%	28%	12%	14%	12%	10%
ROA	%	19%	9%	10%	9%	8%

Nguồn: BSR, Khảo nghiệm cứu MBS

Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2022

Sản lượng sản xuất và kinh doanh trong năm 2022: lần lượt đạt 7.01 triệu tấn và 6.97 triệu tấn sản phẩm lọc dầu các loại, tăng lần lượt 7.4% và 8.5% so với năm 2021 và đạt 107.9% kế hoạch sản xuất cả năm. Đây cũng là năm có sản lượng sản xuất đạt mức cao nhất từ trước đến nay, nhà máy có nhiều giai đoạn chạy với 110% công suất thiết kế.

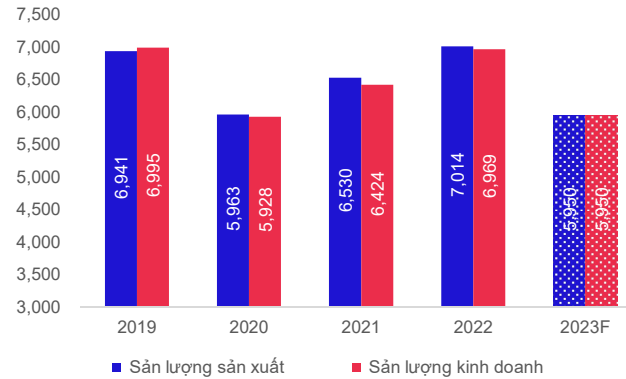
Kết quả kinh doanh quý 4.2022 tiếp tục khả quan: Doanh thu quý 4 đạt 40,430 tỷ đồng, tăng 17.2% so với cùng kỳ 2021, lợi nhuận trước thuế đạt 1,621 tỷ đồng, bằng 56.3% so với cùng kỳ 2021, tốt hơn nhiều so với số liệu sơ bộ trước đó là lỗ hơn 700 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2022, doanh thu đạt 167,123 tỷ đồng, tăng 65.3% và bằng 111% kế hoạch điều chỉnh. Lợi nhuận trước thuế đạt 15,299 tỷ đồng, tăng mạnh 120.4% so với 2021.

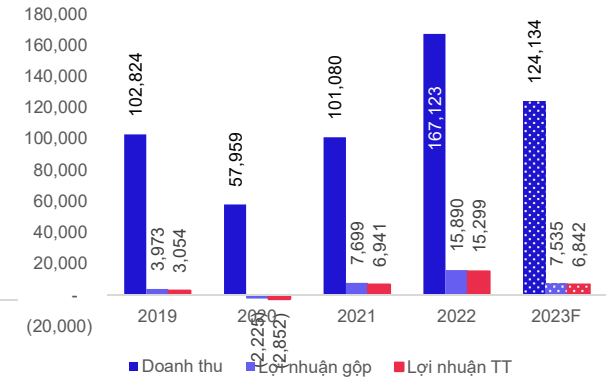
Lợi nhuận sau thuế đạt 14,394 tỷ đồng, tăng 115.4% so với 2021 và đạt 123% kế hoạch cả năm đã điều chỉnh. Thu nhập mỗi cổ phần đạt 4,679 đồng. Đây là mức lợi nhuận cao nhất kể từ trước đến nay của công ty.

Các chỉ phí bán hàng và quản lý cơ bản kiểm soát tốt: chi phí bán hàng đạt 917 tỷ đồng, tăng 17%, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 504 tỷ đồng, tăng 24% so với 2021. Chi phí tài chính đạt 920 tỷ đồng, tăng 49%, chủ yếu do chi phí biến động tỷ giá, trong khi chi phí lãi vay giảm 38% và chỉ đạt 253 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành trả xong nợ vay dài hạn đầu tư nhà máy, vay nợ chủ yếu là ngắn hạn để tài trợ vốn kinh doanh trong kỳ.

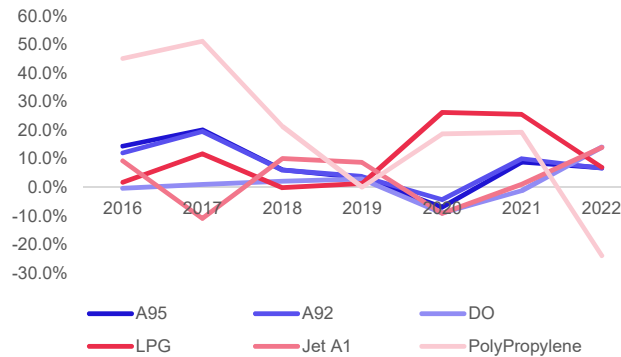
Sản lượng sản xuất và bán hàng (nghìn tấn)



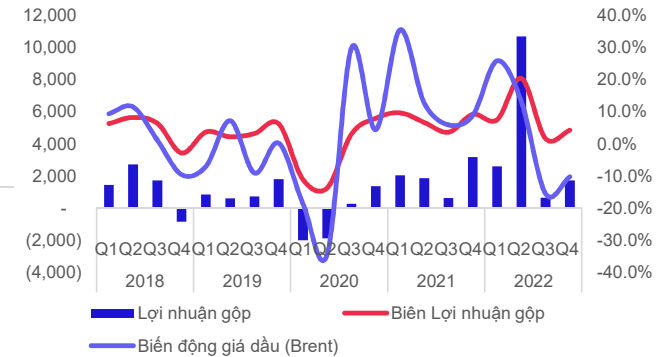
Doanh thu và lợi nhuận (tỷ đồng)



Biên lợi nhuận gộp những sản phẩm chính



Lợi nhuận gộp theo biến động giá dầu



Nguồn: BSR, Khảo nghiệm cứu MBS

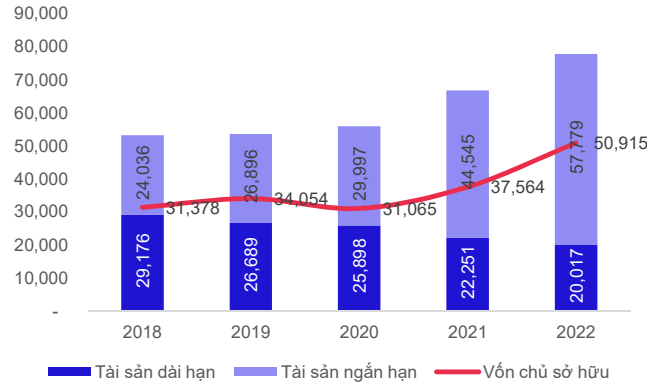
Nguồn lực tài chính tiếp tục được củng cố, tạo điều kiện cho thực hiện các dự án đầu tư lớn trong trung và dài hạn.

Với kết quả kinh doanh trong năm 2022 đạt mức cao, nguồn lực tài chính của công ty càng được củng cố mạnh mẽ. Tổng tài sản đến tháng cuối 2022 đạt 77,796 tỷ đồng, tăng thêm 16.5% so với đầu năm. Tài sản dài hạn tiếp tục giảm dần và đạt 20,017 tỷ đồng (-10.0%), trong khi tài sản ngắn hạn tăng 29.7% lên 57,779 tỷ đồng khi công ty mở rộng hoạt động kinh doanh và giá dầu tăng. Khoản phải thu và hàng tồn kho đều tăng lên, lần lượt đạt 16,324 tỷ đồng (+20.0%) và 16,350 tỷ đồng (+57.8%). Đặc biệt, khoản tiền tương tiền và đầu tư tài chính tăng mạnh 21.9% lên 25.025 tỷ đồng. Bên nguồn vốn, Nợ phải trả giảm 8.0% xuống 26,881 tỷ đồng, chiếm 34.6% tổng nguồn vốn. Vay nợ tổ chức tín dụng giảm 8.9% xuống 8,945 tỷ đồng, toàn bộ là vay nợ ngắn hạn. Trong năm 2022, công ty đã hoàn thành trả xong nợ vay dài hạn đầu tư nhà máy. Vốn chủ sở hữu đạt 50,915 tỷ đồng, tăng 35.5% và chiếm 65.4% Tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu được bổ sung lớn từ nguồn lợi nhuận đạt được trong kỳ.

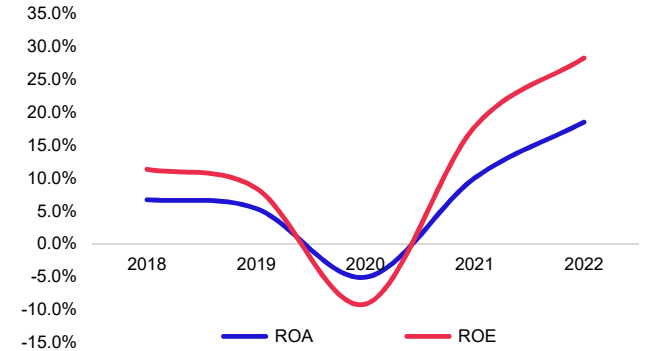
Dòng tiền hoạt động kinh doanh được kiểm soát tốt

Dòng tiền hoạt động kinh doanh đạt 6,066 tỷ đồng trong năm 2022. Công ty kiểm soát khá tốt dòng tiền hoạt động kinh doanh dù hoạt động kinh doanh trong năm được mở rộng, khoản phải thu, hàng tồn kho tăng lên nhưng cũng tranh thủ được nguồn vốn phi lãi suất từ nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào.

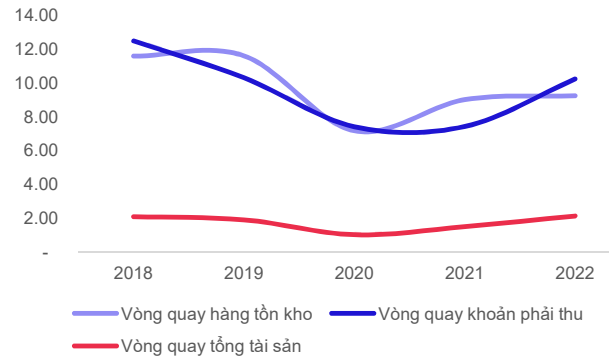
Cơ cấu Tài sản- Nguồn Vốn



Hiệu quả hoạt động



Hệ số hoạt động



Lưu chuyển dòng tiền



Nguồn: BSR, Khởi nghiệp cứu MBS

Triển vọng kinh doanh năm 2023

Sau một năm sản xuất kinh doanh đạt kết quả vượt trội nhờ năng lực nội tại và thuận lợi của thị trường, Bước sang năm 2023, chúng tôi đánh giá hoạt động của công ty có những thuận lợi và thách thức:

Thuận lợi:

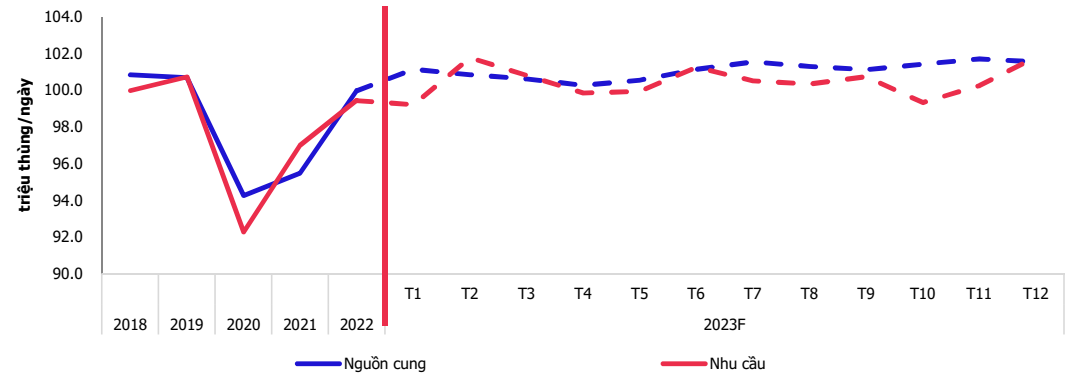
- 1) Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước vẫn tiếp tục tăng trưởng và đảm bảo cho tiêu thụ sản phẩm nhà máy thuận lợi với sản lượng cao;
- 2) Nhà máy tiếp tục hoạt động ổn định, cung cấp ra thị trường sản phẩm tiêu chuẩn. Năm 2023 nhà máy sẽ dừng bảo dưỡng tổng thể lần 5, sản lượng sản xuất và kinh doanh dự kiến giảm khoảng 15%, tương ứng sản lượng đạt được khoảng 5.95 triệu tấn.
- 3) Năng lực tài chính đang ngày càng lớn mạnh sau khi đạt được kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2022. Công ty không còn Nợ vay dài hạn, Nợ vay ngắn hạn giảm 8.9% xuống 8,945 tỷ đồng. Trong khi đó, giá trị Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 25,025 tỷ đồng. Dòng tiền hoạt động kinh doanh cả năm 2022 đạt 6,066 tỷ đồng.

Bên cạnh đó là các Thách thức:

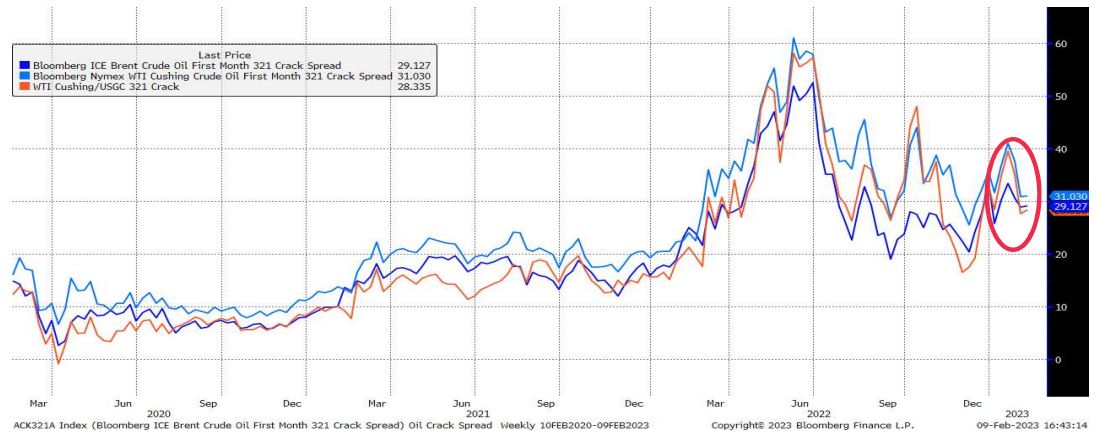
- 1) Giá dầu biến động khó lường, biên lợi nhuận ngành lọc dầu trên thế giới đang điều chỉnh sau khi đạt mức đỉnh trong quý 2.2022 sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.
- 2) Công ty sẽ dừng nhà máy để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 làm cho sản lượng sản xuất và kinh doanh giảm khoảng 15%.

Chúng tôi dự báo sản lượng sản xuất và kinh doanh ở mức 5.85-5.95 triệu tấn sản phẩm lọc dầu các loại. Với kịch bản giá dầu Brent ở mức 85-90 usd/thùng, dự báo doanh thu có thể đạt mức 124,134 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,842 tỷ đồng, lần lượt bằng 74% và 45% của năm 2022. Thu nhập mỗi cổ phần đạt mức 2,060 đồng.

Dự báo Nguồn Cung- Nhu cầu dầu thế giới 2023



Biên lợi nhuận ngành lọc hóa dầu thế giới trong 2 năm qua



Nguồn: Bloomberg, EIA, Khảo nghiệm cứu MBS

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023

Chúng tôi dự báo sản lượng sản xuất và kinh doanh ở mức 5.85-5.95 triệu tấn. Với kịch bản giá dầu Brent ở mức 85-90 usd/thùng, dự báo doanh thu có thể đạt mức 124,134 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,842 tỷ đồng, lần lượt bằng 74% và 45% của năm 2022. Thu nhập mỗi cổ phần đạt mức 2,060 đồng.

Định giá cổ phiếu

Chúng tôi thực hiện xác định giá trị cổ phiếu của công ty, dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền công ty (FCFF) kết hợp PE, PB, EV/EBITDA, giá trị cổ phiếu BSR đạt mức 21,800 đồng/cổ phần.

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFF	32,750
- PB	19,406
- PE	12,848
- EV/EBITDA	24,028
Giá trị trung bình	21,752

Dự báo kết quả kinh doanh 2021F-2025F

Kết quả kinh doanh	Đơn vị	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F	2027F
Công suất nhà máy	Triệu tấn	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50
Sản lượng sản xuất và bán hàng	Triệu tấn	7.01	5.95	6.54	6.54	5.62	6.55
Giá dầu trung bình dự kiến (Brent)	Usd/thùng	99	85	85	85	85	85
Doanh thu	Tỷ đồng	167,123	124,134	144,967	144,972	124,720	144,657
Tăng trưởng doanh thu	%	65.3%	-25.7%	16.8%	0.0%	-14.0%	16.0%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	-151,233	-116,599	-135,758	-135,555	-116,607	-135,246
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	15,890	7,535	9,210	9,417	8,113	9,411
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	1,664	1,061	1,082	1,104	1,126	1,148
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-920	-533	-496	-496	-496	-496
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-917	-683	-870	-870	-748	-868
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	-504	-548	-559	-631	-613	-651
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	15,213	6,832	8,368	8,524	7,382	8,545
EBIT	Tỷ đồng	16,219	7,376	8,874	9,031	7,890	9,053
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,299	6,842	8,379	8,535	7,394	8,558
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,394	6,500	7,960	7,682	6,655	7,702
Lợi nhuận dành cho cơ cấu công ty mẹ	Tỷ đồng	14,450	6,551	7,993	7,714	6,687	7,698

Định giá theo DCF

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân-WACC	%	15.76%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	2.00%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2023-2028	Tỷ đồng	39,905
Hiện giá dòng tiền sau năm 2026	Tỷ đồng	42,280
Tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn hiện tại	Tỷ đồng	27,655
Giá trị Công ty	Tỷ đồng	109,840
Vay nợ	Tỷ đồng	8,299
Giá trị vốn cổ phần	Tỷ đồng	101,541
Số lượng cổ phần	Triệu cp	3,101
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	32,750

Hệ số PE-PB-EV/EBITDA

Công ty	Quốc gia	PB	P/E	EV/EBITDA
COSMO ENERGY HOLDINGS CO LTD	Japan	0.55	1.65	2.89
CHENNAI PETROLEUM CORP LTD	India	1.20	2.65	4.71
GUJARAT STATE PETRONET LTD	India	1.90	9.18	5.25
STAR PETROLEUM REFINING PCL	Thailand	1.15	5.29	4.09
MANGALORE REFINERY & PETRO	India	1.33	3.25	6.27
PTG ENERGY PCL	Thailand	2.57	25.45	8.92
HENGYUAN REFINING CO BHD	Malaysia	0.85	4.42	3.87
PETRON MALAYSIA REFINING & M	Malaysia	0.55	3.23	3.66
HINDUSTAN PETROLEUM CORP	India	0.79	4.52	7.40
IRPC PCL	Thailand	0.81		11.77
THAI OIL PCL	Thailand	0.82	3.10	4.91
Trung bình		1.14	6.27	5.80

CTCP LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN (UPCOM - BSR)



Kết quả kinh doanh	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Doanh thu	167,123	124,134	144,967	144,972	124,720
Giá vốn hàng bán	-151,233	-116,599	-135,758	-135,555	-116,607
Lợi nhuận gộp	15,890	7,535	9,210	9,417	8,113
Doanh thu tài chính	1,664	1,061	1,082	1,104	1,126
Chi phí tài chính	-920	-533	-496	-496	-496
Chi phí bán hàng	-917	-683	-870	-870	-748
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-504	-548	-559	-631	-613
Lợi nhuận thuần hđ kinh doanh	15,213	6,832	8,368	8,524	7,382
Lợi nhuận trước thuế	15,299	6,842	8,379	8,535	7,394
Lợi nhuận sau thuế	14,394	6,500	7,960	7,682	6,655
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	14,450	6,551	7,993	7,714	6,687
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	-56	-51	-33	-32	-32

Tài sản- Nguồn vốn	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	57,779	56,485	65,538	72,127	75,534
Tiền tương đương tiền	22,853	27,655	32,076	38,424	45,847
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,172	2,389	2,628	2,891	3,180
Khoản phải thu	16,324	13,604	15,887	15,887	13,668
Hàng tồn kho	16,350	12,778	14,878	14,855	12,779
Tài sản ngắn hạn khác	80	59	69	69	60
Tài sản dài hạn	20,017	17,977	15,937	13,857	11,777
Tài sản cố định	18,075	16,035	13,995	11,915	9,835
Tài sản dở dang dài hạn	1,274	1,274	1,274	1,274	1,274
Tài sản dài hạn khác	668	668	668	668	668
Tổng tài sản	77,796	74,462	81,475	85,984	87,311
Nợ phải trả	26,881	21,698	23,851	23,779	21,551
Nợ phải trả ngắn hạn	25,600	20,467	22,670	22,648	20,470
Phải trả người bán ngắn hạn	16,612	12,778	14,878	14,855	12,779
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8,954	7,068	7,068	7,068	7,068
Phải trả ngắn hạn khác	34	621	725	725	624
Nợ phải trả dài hạn	1,281	1,231	1,181	1,131	1,081
Phải trả dài hạn khác	1,271	1,231	1,181	1,131	1,081
Vốn chủ sở hữu	50,915	52,765	57,624	62,205	65,759
Vốn góp của chủ sở hữu	31,005	31,005	31,005	31,005	31,005
Quỹ đầu tư phát triển	5,599	5,599	5,599	5,599	5,599
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14,376	16,276	21,168	25,782	29,368
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-65	-116	-149	-181	-213
Tổng nguồn vốn	77,796	74,462	81,475	85,984	87,311

Lưu chuyển dòng tiền	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	6,066	11,706	7,911	9,861	10,963
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	2,792	-368	-372	-395	-421
Dòng tiền thuần hđ tài chính	-2,337	-6,536	-3,118	-3,118	-3,118

Hệ số tài chính	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Hệ số hiệu quả					
Biên lợi nhuận gộp	9.5%	6.1%	6.4%	6.5%	6.5%
EBITDA Margin	11.0%	7.7%	7.6%	7.7%	8.1%
Biên lợi nhuận ròng	8.6%	5.2%	5.5%	5.3%	5.3%
ROE	28.3%	12.3%	13.8%	12.3%	10.1%
ROA	18.5%	8.7%	9.8%	8.9%	7.6%

Hệ số tăng trưởng	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Tăng trưởng doanh thu	65.3%	-25.7%	16.8%	0.0%	-14.0%
Tăng trưởng LNTT	120.4%	-55.3%	22.5%	1.9%	-13.4%
Tăng trưởng LNST	115.4%	-54.8%	22.5%	-3.5%	-13.4%
Tăng trưởng EPS	115.2%	-55.7%	22.5%	-3.6%	-13.6%

Hệ số thanh khoản	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Hệ số thanh toán hiện hành	2.3	2.8	2.9	3.2	3.7
Hệ số thanh toán nhanh	1.6	2.1	2.2	2.5	3.1
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.3	0.3	0.3	0.3	0.2
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.5	0.4	0.4	0.4	0.3
Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	64.1	27.7	38.8	39.5	34.5

Hệ số định giá	2022A	2023F	2024F	2025F	2026F
Lợi suất cổ tức	1.1%	5.7%	3.8%	3.8%	3.8%
EPS (VND)	4,661	2,064	2,529	2,440	2,108
BVPS (VND)	16,443	17,055	18,633	20,121	21,278

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang Trang.PhamThuy@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Thực phẩm đồ uống

Nguyễn Thành Công Cong1.NguyenThanh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn